

THỰC TRẠNG NHU CẦU TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Phạm Thị Hộ,
Hồ Văn Dũng⁺

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
⁺Tác giả liên hệ • Email: hvdung@hueuni.edu.vn

Article history

Received: 06/3/2023

Accepted: 13/4/2023

Published: 20/5/2023

Keywords

Need, career guidance and counseling, high school students, Ly Son district

ABSTRACT

Career guidance and counseling is a critical activity for high school students, helping them understand about different careers as well as their own personalities and abilities to navigate and decide on a career in the future accordingly. This study investigates the need for career guidance and counseling among high school students in Ly Son island district. The survey results showed the average level of the need for knowledge about the labor market, the need for advice on the characteristics and requirements of the profession, and the need for knowledge about personal psychological conditions and characteristics in accordance with their profession. This is an important practical basis for managers, teachers and counselors to propose career counseling measures for students, especially grade 12 students in an appropriate and effective way, helping them choose a career in accordance with their own conditions, competence, interests and the needs of society.

1. Mở đầu

Tư vấn hướng nghiệp (TVHN) là hoạt động quan trọng đối với HS THPT, giúp HS hiểu biết được nghề nghiệp, hiểu được tính cách, năng lực bản thân để có định hướng và quyết định chọn nghề nghiệp trong tương lai một cách phù hợp (Trần Quang Anh Minh và cộng sự, 2020). Theo Báo Lao động, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa thông báo cảnh báo 2.252 sinh viên tự ý bỏ học học kì I năm học 2019-2020, trong số đó có SV ở đủ các bậc đại học chính quy, cao đẳng chính quy hay hệ đại học liên thông vừa học vừa làm. Năm 2018, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cảnh báo học vụ 2.135 sinh viên, trong đó 257 em bị đuổi học. Trong học kì II năm học 2017-2018, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh xóa tên hơn 450 sinh viên bị buộc thôi học,... (<https://laodong.vn/xa-hoi/sinh-vien-bo-hoc-ngay-cang-nhieu-vi-chon-khong-dung-nganh-ham-di-lam-772883.ldo>), mà một trong những nguyên nhân chính là việc lựa chọn nghề không phù hợp. Điều này phản ánh việc TVHN cho HS trong nhà trường vẫn chưa thực hiện tốt (Nguyễn Trần Vĩnh Linh, 2019).

Trong hoạt động TVHN, nhà tư vấn cần phải giúp HS tìm hiểu, đánh giá đúng các đặc điểm nhân cách của bản thân như: xu hướng nghề nghiệp bao gồm nguyện vọng, hứng thú, động cơ, năng lực, tính cách phù hợp nghề. HS phải có nhận thức về thế giới nghề nghiệp, về nhu cầu phát triển KT-XH của đất nước, nhu cầu nhân lực của các ngành nghề trong xã hội, từ đó xác định sự phù hợp nghề (Nguyễn Thị Bích Phương và cộng sự, 2023; Nguyễn Đức Trí, 2005). Do vậy, khi tìm hiểu nhu cầu TVHN của HS THPT, chúng tôi quan tâm đến một số nội dung như: nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động, yêu cầu nghề; nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề; nhu cầu về đặc điểm và yêu cầu của nghề của HS THPT. Đồng thời, trong lí luận về nhân cách cũng cho rằng, do có sự khác nhau giữa các yếu tố nêu trên nên nhân cách mỗi người có những đặc điểm không lặp lại ở người khác, tức là mỗi người có một nhân cách độc đáo riêng của mình, không ai giống ai (Nguyễn Đức Trí, 2005). Đó chính là sự khác biệt cá nhân mà hướng nghiệp phải đặc biệt chú ý. Vì vậy, tìm hiểu các nhu cầu riêng biệt, mà trước hết là khái quát bức tranh từng giới tính và khối lớp nhằm giúp hoạt động TVHN đạt hiệu quả hơn là một việc làm cần thiết.

Bài báo khảo sát nhu cầu TVHN của HS THPT trên địa bàn huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, làm cơ sở để các nhà quản lí, GV có kế hoạch và biện pháp TVHN cho HS kịp thời và hiệu quả, giúp các em có định hướng và quyết định chọn nghề nghiệp trong tương lai một cách phù hợp.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

Hướng nghiệp: là một hệ thống các biện pháp tác động của gia đình, nhà trường và toàn xã hội vào quá trình định hướng nghề nghiệp của cá nhân bằng cách giúp họ lựa chọn và xác định được vị trí nghề nghiệp của mình trong cuộc

sống trên cơ sở kết hợp năng lực, sở trường, nguyện vọng của cá nhân với điều kiện gia đình và nhu cầu thị trường lao động, qua đó cá nhân tự quyết định chọn lấy một nghề phù hợp trong lao động nghề nghiệp sau này (Nguyễn Trần Vĩnh Linh, 2019).

Tư vấn hướng nghiệp: Theo Hiệp hội Tư vấn Hoa Kỳ (ACA), tư vấn là một mối quan hệ nghề nghiệp giúp mọi người, gia đình và các nhóm khác nhau đạt được các mục tiêu về sức khỏe tâm thần, sức khỏe, giáo dục và nghề nghiệp (Kapla et al., 2014). TVHN có nghĩa là giúp mọi người khám phá lập trường thực sự của họ, đạt được sự tự nhận thức và tạo ra một bức tranh rõ ràng và thống nhất về bản thân và thế giới công việc và những khía cạnh này có tác động lớn đến việc ra quyết định nghề nghiệp (Gati et al., 2019). Đó là hệ thống những biện pháp tâm lý - giáo dục nhằm đánh giá toàn bộ năng lực thể chất và trí tuệ của thanh thiếu niên, đối chiếu các năng lực đó với những yêu cầu do nghề đặt ra đối với người lao động, có cân nhắc đến nhu cầu nhân lực của địa phương và xã hội, trên cơ sở đó đưa ra những lời khuyên về nghề có căn cứ khoa học, loại bỏ những trường hợp may rủi, thiếu chín chắn trong khi chọn nghề (Gati et al., 2019; Phạm Tất Dong, 2000). Tương tự, tác giả Lê Duy Hùng (2018) cũng cho rằng, TVHN là sự tác động của nhà tư vấn đến cá nhân nhằm nâng cao nhận thức nghề về đặc điểm nghề, nhu cầu xã hội đối với nghề và hiểu biết về đặc điểm thể chất và tâm lý bản thân (hoặc đặc điểm cá nhân - bao gồm tâm - sinh lý); trên cơ sở đó cho họ những lời khuyên đúng đắn về chọn nghề, có căn cứ khoa học, và loại bỏ những trường hợp thiếu chín chắn khi chọn nghề.

Nhu cầu TVHN: là nhu cầu cần được tư vấn về các nội dung có liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp và trên cơ sở đó mỗi cá nhân có sự đối chiếu với năng lực bản thân để chọn cho mình một nghề phù hợp (Lê Duy Hùng, 2018). Theo chúng tôi, nhu cầu TVHN của HS THPT là một yêu cầu cơ bản và cần thiết trong quá trình phát triển nghề nghiệp của HS. Nhu cầu này khẳng định tính cấp thiết của việc hỗ trợ các em trong tìm hiểu và định hướng cho bản thân về các lĩnh vực nghề nghiệp, các ngành học và các cơ hội việc làm phù hợp với sở thích, năng lực và mục tiêu của HS.

2.2. Khái quát chung về khảo sát

2.2.1. Địa bàn khảo sát

Lý Sơn là huyện đảo duy nhất của tỉnh Quảng Ngãi, nằm về phía Đông Bắc, cách đất liền 15 hải lý (tính từ cảng Sa Kỳ ra). Với một số hạn chế về nguồn lực và địa lý, HS tại Đảo Lý Sơn có thể đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội nghề nghiệp mới và phát triển sự nghiệp của mình. Toàn huyện có Đảo Lớn và Đảo Bé với diện tích tự nhiên gần 10 km², dân số trên 21.000 người, có khoảng 60% hộ dân sống bằng nghề biển, 30% hộ dân sống bằng nghề nông (chủ yếu là trồng hành, tỏi, ngô) và 10% hộ dân sống bằng các ngành nghề khác. Đặc biệt, đa số các gia đình sống bằng nghề đánh bắt cá xa bờ, điều này khiến cho việc quan tâm đến con cái của cha mẹ gặp khó khăn, trở ngại rất nhiều lần; hơn nữa, điều kiện làm việc trên biển, thông tin còn hạn chế nên cha mẹ chưa thật sự có định hướng đúng đắn về con đường tương lai của HS.

Đảo Lý Sơn đang trên đà phát triển kinh tế, nhưng giáo dục ở huyện đảo này vẫn còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất và môi trường học thuận lợi cho HS. Hiện tại trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn có 2 trường THCS nhưng chỉ có duy nhất 1 trường THPT - Trường THPT Lý Sơn. Đối với HS THPT, ngoài việc ôn thi để sẵn sàng bước vào kì thi THPT Quốc gia, các em vẫn lo lắng cho việc chọn nghề phù hợp với năng lực học tập và mong muốn của bản thân mình cũng như nhu cầu xã hội. Định hướng chọn nghề của HS là một nhu cầu chính đáng nhưng ở đảo Lý Sơn vẫn chưa có một cơ sở hay các chuyên gia TVHN cho các em; ngay cả trong nhà trường cũng không có GV chuyên trách về TVHN để định hướng cho các em một cách chuyên nghiệp. Để lựa chọn nghề nghiệp, các em chỉ có sự giúp đỡ của GV chủ nhiệm và bạn bè trang lứa, vì vậy sự lựa chọn hầu như mang tính chủ quan. Dựa trên những cơ sở khó khăn về lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT huyện Lý Sơn, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng TVHN cho HS trên địa bàn huyện đảo này.

2.2.2. Tổ chức khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng nhu cầu TVHN của HS THPT trên địa bàn huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 300 HS ở Trường THPT Lý Sơn; thời gian khảo sát: học kì 1 năm học 2022-2023.

Phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này: điều tra bằng bảng hỏi, thống kê toán học để xử lí số liệu... Thang đo nhu cầu tư vấn của HS gồm 5 mức độ từ 1 đến 5 với khoảng điểm như sau: Hoàn toàn không cần thiết/rất thấp: $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,8$; Không cần thiết/thấp: $1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,6$; Phân vân/trung bình: $2,6 \leq \text{ĐTB} < 3,4$; Cần thiết/khá: $3,4 \leq \text{ĐTB} < 4,2$; Rất cần thiết/cao: $4,2 \leq \text{ĐTB} < 5,0$.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động của học sinh

Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động của HS THPT là những mong muốn được cung cấp những thông tin về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động xã hội với nghề thể hiện ở thông tin về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo ngành, vùng miền và theo thời gian; thông tin về chiến lược phát triển kinh tế của địa phương, khu vực và quốc gia đối với từng nghề. Những nghề có khả năng xin việc và tư vấn những thông tin liên quan đến yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với người lao động, mức lương và điều kiện làm việc.

Bảng 1. Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động

Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động	ĐTB	ĐLC	Tỉ lệ (%)				
			1	2	3	4	5
Nhu cầu nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế	3,69	1,10	8,7	4,3	15,7	52,0	19,3
Nhu cầu lao động hiện tại và tương lai của từng ngành nghề trong xã hội	4,04	0,89	2,0	5,0	10,7	51,7	30,6
Những nghề có khả năng xin được việc, số lượng tuyển dụng	3,97	0,92	3,0	4,0	13,7	51,3	28,0
Thông tin về yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nghề	3,87	0,92	3,0	6,7	11,0	59,3	20,0
Mức lương trung bình của nghề đó trên thị trường	4,01	0,88	3,0	2,3	12,7	54,3	27,7
Điều kiện làm việc của nghề	4,04	0,89	3,3	3,0	8,7	56,7	28,3
ĐTB chung	3,94	0,70					

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số HS nhận thức về sự cần thiết được tư vấn về nội dung thị trường lao động với nghề ở mức “khá cao” (ĐTB: 3,94).

Những thông tin mà HS mong muốn được tư vấn ở mức “khá cao” như: “Nhu cầu lao động hiện tại và tương lai của từng ngành nghề trong xã hội” (ĐTB: 4,04) điều đó cho thấy các em không chỉ tính đến nhu cầu lao động ở hiện tại, mà còn tính đến nhu cầu đó trong tương lai; tiếp đến là “Điều kiện làm việc của nghề” (ĐTB: 4,04). Điều này cũng hợp lý vì điều kiện làm việc tốt giúp con người được thuận lợi hơn và đạt hiệu quả cao hơn trong công việc. Bên cạnh những công việc phù hợp thì “Mức lương trung bình của nghề đó trên thị trường” cũng được đánh giá cao (ĐTB: 4,01). Tiền lương là yếu tố giúp con người ổn định cuộc sống và an tâm cống hiến cho nghề. Kết quả đó cho thấy việc chọn nghề của HS đã gắn với thực tế nhu cầu lao động của xã hội.

Bên cạnh đó, các nội dung như: Những nghề có “khả năng xin được việc, số lượng tuyển dụng” (ĐTB: 3,97); “Thông tin về yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nghề” (ĐTB: 3,87); “Nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế” (ĐTB: 3,69) nhu cầu được tư vấn của HS được đánh giá ở mức thấp hơn “khá”. Việc chưa quan tâm đúng mức tới những nội dung này có thể sẽ gây khó khăn cho HS trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Hiện nay có rất nhiều ngành nghề có nhu cầu lao động nhưng việc nắm được số lượng và những yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng... sẽ giúp cho cơ hội xin được việc cao hơn.

HS mong muốn được tư vấn về thị trường lao động sẽ rất thuận lợi cho người tư vấn thực hiện hành vi TVHN. Tuy nhiên, việc các em chưa quan tâm đúng mức đến thông tin về nghề có khả năng xin được việc; yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nghề; nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế có thể ảnh hưởng đến quá trình tìm kiếm việc làm sau này.

2.3.2. Nhu cầu tư vấn về đặc điểm và yêu cầu của nghề

Nhu cầu tư vấn về đặc điểm và yêu cầu của nghề của HS THPT là những mong muốn được cung cấp những thông tin về: đặc điểm của từng nghề, những yêu cầu cụ thể của từng nghề; những nơi có thể làm việc của nghề sau khi tốt nghiệp; giá trị xã hội của nghề; môi trường làm việc của nghề; những yêu cầu thể chất; tâm lý đối với nghề; thách thức và triển vọng của nghề ở hiện tại và tương lai; đối tượng lao động của nghề.

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, đa số HS có nhu cầu được tư vấn về đặc điểm và yêu cầu của nghề ở mức “khá cao” (ĐTB: 3,98). Trong quá trình tham gia hoạt động TVHN của HS, những nội dung thông tin về nghề mà HS có nhu cầu được tư vấn ở mức “khá cao”. Đó là: “Đặc điểm của từng nghề trong xã hội” (ĐTB: 4,04); “Những nơi có thể làm việc của nghề sau khi tốt nghiệp” (ĐTB: 4,04); “Thách thức và triển vọng của nghề ở hiện tại và tương lai” (ĐTB: 4,03). Từ kết quả khảo sát này cho thấy HS nhận thức được sự cần thiết được cung cấp bức tranh

chung về hệ thống nghề và đặc điểm nghề mà các em định chọn, môi trường làm việc sau khi các em ra trường là những nội dung cần thiết và quan trọng hơn cả.

Bảng 2. Nhu cầu hiểu biết về đặc điểm và yêu cầu của nghề của HS THPT

Nhu cầu hiểu biết về đặc điểm và yêu cầu của nghề	ĐTB	ĐLC	Tỉ lệ (%)				
			1	2	3	4	5
Đặc điểm của từng nghề, những yêu cầu cụ thể của từng nghề	4,04	0,93	2,7	5,0	10,0	50,0	32,3
Những nơi có thể làm việc của nghề sau khi tốt nghiệp	4,04	0,90	3,0	3,3	10,0	53,7	30,0
Giá trị xã hội của nghề	3,89	0,94	2,7	6,0	15,7	51,0	24,7
Môi trường làm việc của nghề (ví dụ: thời gian; đòi hỏi tính sáng tạo; áp lực...)	4,02	0,93	2,3	4,7	13,7	47,3	32,0
Những yêu cầu thể chất, tâm lý đối với nghề (hứng thú, năng lực, tính cách...)	3,97	0,94	3,3	4,7	11,3	52,7	28,0
Thách thức và triển vọng của nghề ở hiện tại và tương lai	4,03	0,87	2,0	3,7	13,3	51,7	29,3
Đối tượng lao động của nghề (ví dụ: máy móc, thiên nhiên, con người, nghệ thuật...)	3,86	0,84	2,3	3,0	20,0	55,7	19,0
ĐTB chung	3,98	0,63					

Tuy nhiên những nội dung khác, mặc dù HS mong muốn được tư vấn song được đánh giá ở mức thấp hơn “khá”, đó là: Môi trường làm việc của nghề (ĐTB: 4,02); Những yêu cầu thể chất, tâm lý đối với nghề (ĐTB: 3,97); Giá trị xã hội của nghề (ĐTB: 3,89); Đối tượng lao động của nghề (ĐTB: 3,86). Có lẽ, trong nhận thức của HS, việc được tư vấn để hiểu những yêu cầu về thể chất, tâm lý; về môi trường làm việc của nghề; về đối tượng của người lao và hiểu những giá trị xã hội hay những đóng góp của nghề với xã hội không quan trọng bằng việc được tư vấn về đặc điểm của nghề, nơi làm việc, thách thức và triển vọng của nghề. Điều này có thể gây cho HS những khó khăn sau này, bởi vì để thành công trong tương lai đối với nghề mình định chọn thì ngoài việc hiểu được nghề đó, cá nhân cần phải tính đến những yêu cầu của nghề đối với người lao động. Thực tế có nhiều HS chọn những nghề để học mà hiện tại xã hội đang cần, nhưng đến khi học xong nhu cầu lao động của xã hội về nghề đó giảm đi, điều đó ảnh hưởng đến khả năng xin việc sau khi tốt nghiệp của các em.

Kết quả trên cũng phản ánh một thực tế là: khi chọn cho mình một nghề để học và làm việc trong tương lai thì điều mà HS quan tâm nhất - đó là phải hiểu cụ thể về nghề có những yêu cầu nào và những áp lực mà công việc đó mang lại.

2.3.3. Nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lý bản thân phù hợp với nghề

Để có thể chọn một nghề nào đó mỗi người trước tiên phải “hiểu mình” để có được một “bức tranh toàn cảnh” về chính mình. Từ đó có được sự cân nhắc kĩ càng về sự phù hợp hay không phù hợp giữa những gì vốn có và nhu cầu đòi hỏi của nghề nghiệp.

Bảng 3. Nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lý phù hợp với nghề

Nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lý bản thân phù hợp với nghề	ĐTB	ĐLC	Tỉ lệ (%)				
			1	2	3	4	5
Năng lực, tính cách bản thân phù hợp với nghề bằng các trắc nghiệm	3,87	0,92	3,3	4,7	16,7	52,3	23,0
Hứng thú của bản thân đối với nghề nghiệp bằng các trắc nghiệm	3,84	0,91	2,3	4,0	25,0	45,0	23,7
Điều kiện kinh tế gia đình phù hợp với nghề định chọn	4,00	0,91	3,0	2,7	15,7	48,7	30,0
Xu hướng nghề của bản thân bằng các trắc nghiệm	3,80	0,84	1,7	4,7	23,3	53,0	17,3
Năng khiếu, sở trường, học lực của bản thân để lựa chọn nghề	4,11	0,86	1,7	4,3	9,0	51,0	34,0
Các chỉ số về thể chất để tìm ra sự phù hợp của bản thân với nghề	3,98	0,84	2,0	3,0	15,0	54,7	25,3
ĐTB chung	3,93	0,65					

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, đa số HS có nhu cầu được tư vấn về đặc điểm tâm lý của bản thân phù hợp với nghề ở mức khá (ĐTB: 3,93). Trong 6 nội dung mà HS mong muốn được tư vấn về các đặc điểm tâm lý và điều

kiện của bản thân, có 2 nội dung được HS có nhu cầu được tư vấn ở mức khá cao, và 4 nội dung còn lại HS có nhu cầu được tư vấn ở mức khá. Cụ thể: HS đã cho rằng những nội dung cần tư vấn như “*Năng khiếu, sở trường, học lực của bản thân để lựa*” (ĐTB: 4,11); “*Điều kiện kinh tế gia đình phù hợp với nghề định chọn*” (ĐTB: 4,00), cho thấy rằng HS luôn quan tâm đến khả năng chính mình về năng khiếu, sở trường, học lực của bản thân và ngoài ra còn cân nhắc trong việc chọn nghề phù hợp với bản thân, phù hợp với khả năng kinh tế gia đình để các em quyết định chọn nghề học.

Bên cạnh đó, HS cho rằng việc sử dụng các công cụ để đo đạc, đánh giá các chỉ số về thể chất, xu hướng của bản thân phù hợp với nghề và yếu tố kinh tế gia đình là không quan trọng. Như vậy, nhu cầu TVHN của HS về những nội dung này ở mức khá, điều đó có nghĩa là trong quá trình TVHN, hoạt động này - theo các em thực hiện cũng được hay không cũng được. Những hoạt động này bao gồm: “*Các chỉ số về thể chất để tìm ra sự phù hợp của bản thân với nghề*” (ĐTB: 3,98); “*Năng lực, tính cách bản thân phù hợp với nghề bằng các trắc nghiệm*” (ĐTB: 3,87); “*Hứng thú của bản thân đối với nghề nghiệp bằng các trắc nghiệm*” (ĐTB: 3,84); “*Xu hướng nghề của bản thân bằng các trắc nghiệm*” (ĐTB: 3,80).

Mặc dù HS đều có nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề, các em đều quan tâm hết các tiêu chí trên, đặc biệt là khả năng bên trong của bản thân về năng lực, sở trường, sở thích; ngoài ra, các em cũng cân nhắc đến yếu tố kinh tế gia đình để quyết định chọn nghề. Đó cũng là đặc trưng của mỗi vùng miền, ví dụ ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh hay Hà Nội, đa phần HS có mức sống ổn định hơn các em ở vùng quê, các em được tạo điều kiện học tập từ sớm nên tiêu chí “*Điều kiện kinh tế gia đình phù hợp với nghề định chọn*” sẽ ít được quan tâm hơn. Nhưng đối với HS ở huyện đảo Lý Sơn lại đánh giá cao tiêu chí này cũng vì điều kiện chung của vùng miền còn nhiều khó khăn và đây là mối quan tâm, lo lắng ở các em.

2.3.4. So sánh các nội dung nhu cầu tư vấn hướng nghiệp giữa nam và nữ

Bảng 4. So sánh các nội dung nhu cầu TVHN giữa nam và nữ

Nội dung	Nam	Nữ	p*
Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động	3,90±0,75	3,98±0,63	0,17
Nhu cầu tư vấn về đặc điểm và yêu cầu của nghề	3,95±0,68	4,01±0,58	0,33
Nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề	3,86±0,73	4,0±0,54	0,01

*giá trị p của kiểm định Independent Sample T-Test

Kết quả bảng 4 cho thấy nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề của HS nữ (4,0±0,54) cao hơn HS nam (3,86±0,73), đạt ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Bé và Trần Thị Tú Anh (2010), ở lứa tuổi THPT, HS nữ thường có quan hệ bạn bè gần gũi, gắn bó hơn; chia sẻ, trao đổi, tâm sự với bạn bè nhiều hơn và do đó, chịu sự ảnh hưởng tác động từ bạn bè nhiều hơn so với HS nam. Liên quan đến việc lựa chọn ngành nghề, bạn bè thường mỗi người có ý kiến riêng, nhiều lúc trái ngược nhau. Chính vì vậy, với HS nữ, bạn bè là chỗ dựa lớn về tình cảm, nhưng cũng là nguyên nhân khiến các em băn khoăn, thiếu nhất quán khi đưa ra quyết định chọn ngành nghề. Ngược lại, HS nam thường kín đáo hơn, ít chia sẻ, tỏ lộ với bạn bè; quyết đoán, độc lập hơn trong việc ra quyết định, vì vậy, ít thay đổi lựa chọn của mình do tác động của bạn bè. Như vậy, yếu tố “*Giới tính*” cần được quan tâm trong TVHN. Các nhà tham vấn hướng nghiệp cần hướng dẫn các em HS nữ phân tích, đánh giá ý kiến của bạn bè; hiểu rõ hơn bản thân cũng như yêu cầu của ngành, nghề... để từ đó có thể lựa chọn một cách quyết đoán, ổn định.

2.3.5. So sánh các nội dung nhu cầu tư vấn hướng nghiệp giữa các khối lớp

Bảng 5. So sánh các nội dung nhu cầu TVHN giữa các khối lớp

Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	p*
Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động	3,87±0,61	3,83±0,71	4,11±0,58	0,01
nhu cầu tư vấn về đặc điểm và yêu cầu của nghề	3,94±0,62	3,95±0,70	4,04±0,57	0,45
Nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề	3,98±0,66	3,94±0,70	3,96±0,58	0,71

*giá trị p của kiểm định One-way ANOVA

Trong lứa tuổi HS THPT, học tập vẫn là hoạt động chủ đạo, chi phối gần như toàn bộ đời sống tâm lí, tình cảm, suy nghĩ của HS. Tuy nhiên, càng về cuối bậc trung học, HS bắt đầu hướng sự quan tâm của mình vào những dự định trong tương lai, cụ thể là những dự định về nghề nghiệp. Ngay cả hoạt động học tập của các em cũng bị chi phối bởi việc lựa chọn nghề nghiệp sau này (Phạm Mạnh Hà, 2011). Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy nhu cầu hiểu biết

về thị trường lao động ở HS lớp 12 là $4,11 \pm 0,58$, cao hơn lớp 10 ($3,87 \pm 0,61$) và lớp 11 ($3,83 \pm 0,71$), đạt ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Điều này có thể lí giải là giai đoạn lớp 12 là thời điểm quan trọng nhất, HS bắt buộc phải lựa chọn một con đường đi hơn so với lớp 10, lớp 11. Bởi vậy, HS lớp 12 có nhu cầu quan tâm hiểu biết về thị trường lao động nhiều hơn.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát 300 HS THPT huyện Lý Sơn cho thấy, nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động, nhu cầu tư vấn về đặc điểm và yêu cầu của nghề và nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề ở mức độ khá. Bên cạnh đó, HS nữ có nhu cầu hiểu biết về điều kiện và đặc điểm tâm lí bản thân phù hợp với nghề và HS lớp 12 có nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động cao hơn. Kết quả nghiên cứu là minh chứng quan trọng cho sự cần thiết phải xây dựng các chương trình TVHN chất lượng, thỏa mãn nhu cầu TVHN HS THPT Lý Sơn. Kết quả này cũng giúp cho Ban Giám hiệu nhà trường THPT, Phòng GD-ĐT huyện Lý Sơn có kế hoạch, biện pháp triển khai và tăng cường các hoạt động TVHN trong cho HS trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Gati, I., Levin, N., & Landman-Tal, S. (2019). Decision-making models and career guidance. *International handbook of career guidance*, 115-145.
- Kapla, D. M., Tarvydas, V. M., & Gladding, S. T. (2014). 20/20: A vision for the future of counseling: The new consensus definition of counseling. *Journal of Counseling & Development*, 92(3), 366-372.
- Lê Duy Hùng (2018). *Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Học viện Khoa học xã hội.
- Nguyễn Đức Trí (2005). Một số vấn đề về hướng nghiệp. *Thư viện số tài liệu nội sinh, Đại học Quốc gia Hà Nội*. https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/13898
- Nguyễn Thị Bích Phượng, Trần Lương, Lư Thị Bé Bay, Nguyễn Trọng Nhị, Nguyễn Hoàng Nam, Tiêu Hoàng Phước, Diệp Thị Bích Quyền, Đặng Công Vinh (2023). Nghiên cứu thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 10 tại các trường trung học phổ thông ngoài công lập thuộc quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Giáo dục*, 23(5), 53-57.
- Nguyễn Thị Ngọc Bé, Trần Thị Tú Anh (2010). Nhu cầu tham vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*, 2(14), 94-103.
- Nguyễn Trần Vĩnh Linh (2019). Lí thuyết về quản lí hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 16(4), 189-200.
- Phạm Mạnh Hà (2011). *Đặc điểm tâm lí trong hoạt động chọn nghề của học sinh lớp 12 trung học phổ thông hiện nay*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- Phạm Tất Dong (2000). *Sự lựa chọn tương lai: Tư vấn hướng nghiệp*. NXB Thanh niên.
- Trần Quang Anh Minh, Võ Lê Phú Hương, Đào Huỳnh Minh Ân, Lê Thị Phương Thúy (2020). Mức độ hiểu biết về hoạt động tư vấn hướng nghiệp của học sinh tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 1 tháng 5*, 279-283.